TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG TÀI** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI - TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyên Xuân Quốc
Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lương Tài – tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019/TLST - HNGĐ ngày 06/12/2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/4/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST – HNGĐ, ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Kh, SN 1966 (Có mặt tại phiên tòa).
Nơi cư trú: Thôn Qu, xã Qu, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, SN 1967 (Vắng mặt tại phiên tòa).
Nơi ĐKHKTT: Thôn Qu, xã Qu, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.
Hiện không rõ địa chỉ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình Kh trình bày:

-*Về quan hệ vợ chồng*: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 1986, trước ngày cưới không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm ban đầu vợ chồng sống hòa thuận đến nay có 04 con chung.

Vợ chồng về chung sống với nhau hòa thuận và hạnh phúc cho đ ến năm 1998 do chị T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ lần nhiều nên chị T đã phải bỏ đi khỏi địa phương và mang theo 02 con chung đi đến năm 1999 thì chị T đưa 02 cháu về với anh. Từ đó cho đến nay thì chị T không về chung sống với anh nữa và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 1998 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn kh ả năng về đoàn tụ chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Đình Kh xác định vợ chồng có 04 con chung là cháu Nguyễn Đình L sinh ngày 04/7/1987, Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 06/8/1989, Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/8/1991, Nguyễn Đình L, sinh ngày 14/02/1994, hiện tại các con chung khỏe mạnh bình thường và đã trưởng thành xây dựng gia đình nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ, công Sức và đất nông nghiệp*: Anh Nguyễn Đình Kh không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

*)*Chị Nguyễn Thị L là con đẻ của anh Kh và chị T trình bày*: Tòa án đã yêu cầu chị và gia đình cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị: Thay mặt gia đình chị xác định bà T hiện đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương còn địa chỉ cụ thể của bà T ở chỗ nào thì chị không biết, thỉnh thoảng bà T có điện thoại về cho chị, chị có hỏi địa chỉ của bà T ở đâu thì bà T không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu mà chỉ biết hiện nay bà T đang làm ăn trong Miền Nam nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của bà T hiện đang ở đâu.

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999 mẹ chị bỏ trốn khỏi nhà và vào thuê nhà ở trong Miền Nam, khi đi mẹ chị mang theo chị và em trai đi cùng. Khi đó ở nhà chỉ có bố chị, còn anh trai chị và chị gái chị thì ở bà nội. Sau đó đến năm 2000 chị về thì được biết ở nhà Công an xã Tân Châu của tỉnh Tây Ninh đã đến gia đình bắt bố chị và yêu cầu bố chị trả những khoản nợ của mẹ chị, nên gia đình bố chị đã phải mang tiền đến nộp để bố chị được ra, chị xác định bố mẹ chị sống ly thân từ năm 1999 cho đến nay. Nay chị được biết bố chị làm đơn xin ly hôn với mẹ chị là Nguyễn Thị T thì quan điểm của chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Bố mẹ chị sinh được 04 người con là Nguyễn Đình L sinh ngày 04/7/1987, Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 06/8/1989, Nguyễn Thị L, sinh ngày

20/8/1991, Nguyễn Đình L, sinh ngày 14/02/1994 hiện tại chúng tôi đã trưởng thành xây dựng gia đình riêng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và ruộng khoán tại địa phương: Do bố chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên đại diện gia đình chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

**)Anh Nguyễn Bá Ng là anh trai chị Ttrình bày*: Tòa án đã yêu cầu anh và gia đình cung cấp địa chỉ của chị Nguyễn Thị T là em gái của anh: Thay mặt gia đình anh xác định chị T đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương còn địa chỉ cụ thể của chị T ở chỗ nào thì anh không biết, vào năm 2019 chị Tcó về ở nhà anh, anh có hỏi địa chỉ của chị T ở đâu thì chị Tkhông cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu mà chỉ biết hiện nay chị T đang làm ăn trong Miền Nam nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị T đang ở đâu mà thỉnh thoảng chị Tchỉ điện thoại về cho anh để hỏi thăm gia đình.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng, Toà án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 70, 72, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Anh Nguyễn Đình Kh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đình Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án và về đường lối giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Đình Kh có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại Quảng Bố - Quảng Phú – Lương Tài - Bắc Ninh, tại phiên tòa hôm nay anh Kh vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tuyết, về con chung, tài sản, công nợ, công sức và đất nông nghiệp anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phía chị Thiện tại đi làm ăn không có mặt tại địa phương. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lương Tài theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị T đi làm kinh tế ở Miền Nam không có địa chỉ nơi ở, nơi làm việc cụ thể mà chị T chỉ thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về cho gia đình. Toà án đã hai lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ nơi ở hay nơi làm việc của chị T, nhưng do chị T không nói cho gia đình biết nên gia đình chị T không cung cấp được địa chỉ của chị T cho Tòa án. Do vậy, Toà án đã tiến hành tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T thông qua người thân trong gia đình, nhưng chị T vẫn cố tình giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 40 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Nguyễn Đình Kh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 1986. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến thời điểm anh Kh làm đơn xin ly hôn thì anh Kh và chị T cũng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nhưng do anh Kh và chị T kết hôn với nhau vào năm 1986 nên căn cứ vào điểm a, Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Kh và chị Tlà hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vào năm 1998 chị T làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh Kh và chị T đã phải bỏ đi khỏi địa phương, đến năm 1999 thì anh Kh về địa phương làm ăn, sinh sống, còn

chị T không về mà ở lại Miền Nam làm ăn, đến tháng 10 năm 2019 thì chị T có về địa phương, nhưng cũng không về chung sống cùng với anh Kh mà ở nhà anh Nguyễn Bá Ngọc là anh trai chị T, mâu thuẫn này gia đình và địa phương cũng đã xác nhận, nên xác định vợ chồng anh Kh và chị T đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 1999 cho đến nay. Do vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Kh và chị T đã xảy ra trầm trọng, khả năng về đoàn tụ chung sống với nhau là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh Nguyễn Đình Kh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] **Về con chung**: Xác định anh Nguyễn Đình Kh và chị Nguyễn Thị T có 04 con chung là cháu Nguyễn Đình L, sinh ngày 04/7/1987, Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 06/8/1989, Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/8/1991, Nguyễn Đình L, sinh ngày 14/02/1994, hiện tại các con chung khỏe mạnh bình thường và đã trưởng thành xây dựng gia đình nên anh Kh không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết.

[2.3] **Về tài sản, công nợ, công sức và đất nông nghiệp**: Do anh Nguyễn Đình Kh không đề nghị Toà án giải quyết nên vậy Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đình Kh phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Anh Nguyễn Đình Kh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2.Về án phí: Anh Nguyễn Đình Kh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/00011489 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Lương Tài;
- Chi cục THADS huyện Lương tài
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Nam